

Bài 16. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần biết :

– Phân tích số liệu, lược đồ, tư liệu để nhận biết mức tăng trưởng đạt khá cao trong thời gian tương đối dài. Nông nghiệp với ngành chủ đạo là trồng trọt vẫn giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế nhiều nước. Công nghiệp mới trở thành ngành kinh tế quan trọng ở một số nước. Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc.

– Giải thích được những đặc điểm trên của kinh tế các nước khu vực Đông Nam Á : Do có sự thay đổi trong định hướng và chính sách phát triển kinh tế ; do ngành nông nghiệp vẫn đóng góp tỉ lệ đáng kể trong tổng sản phẩm trong nước ; do nền kinh tế dễ bị tác động từ bên ngoài và phát triển kinh tế nhưng chưa chú ý đến bảo vệ môi trường.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý CỦA BÀI HỌC

1. Trọng tâm của bài

- Đặc điểm về tốc độ phát triển và sự thay đổi về cơ cấu nền kinh tế các nước Đông Nam Á.
- Sự phân bố một số ngành kinh tế (tập trung ở vùng đồng bằng và ven biển).

2. Nội dung chi tiết

– Như bài trước đã nêu, hầu hết các nước Đông Nam Á là thuộc địa của các nước đế quốc nên trước đây trong kinh tế chỉ có những ngành mang lại lợi ích cho chính quốc mới được phát triển. Chủ yếu là các ngành khai thác mỏ như than, thiếc ở Việt Nam ; khai thác thiếc, trồng cây cao su ở Ma-lai-xi-a ; cây hương liệu ở In-dô-nê-xi-a... Người nông dân những nước này trồng lúa nhưng năng suất thấp nên chỉ đủ đảm bảo được nguồn lương thực tối thiểu phục vụ nhu cầu trong nước. Cuộc sống của người dân nô lệ ở các nước đều giống nhau, rất khổ cực, đói nghèo. Nhân dân từng nước đã nổi dậy, đấu tranh giành tự do, giành quyền làm chủ đất nước. Nhiều nước có những cuộc khởi nghĩa, cuộc chiến đấu chống quân xâm lược và lần lượt giành được độc lập : Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia năm 1945 ; Phi-líp-pin năm 1946 ; Mi-an-ma năm 1948 ; In-dô-nê-xi-a năm 1950 ; Ma-lai-xi-a năm 1957 ; Bru-nây năm 1985.

– Sau năm 1945, trừ ba nước Đông Dương là Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia vẫn tiếp tục một cách chính thức hoặc không chính thức tiến hành cuộc chiến tranh chống đế quốc, các nước giành được độc lập khác đều có điều kiện để phát triển kinh tế, xã hội và từng bước đã đạt được kết quả. SGK chỉ lấy số liệu từ năm 1990 trở lại đây để có thể có được số liệu của các nước và tiện so sánh giữa các nước với nhau. Trong khoảng thời gian này, mức tăng trưởng kinh tế trên thế giới đạt khoảng 3-4%/năm. Điều đó cho thấy mức tăng trưởng cao của các nước trong khu vực.

Tuy vậy từ năm 1996 đã có dự báo về khủng hoảng kinh tế ở một số nước do sự mất cân đối trong đầu tư và mất cân đối trong phát triển các ngành kinh tế như : phân bổ nguồn đầu tư cho những ngành không làm ra lãi, tiêu dùng lạm vào vốn, kinh doanh những mặt hàng xa xỉ cho xã hội tiêu dùng, chuyển dịch cơ cấu chậm, vay vốn nhiều không trả nợ được, phụ thuộc vào nước ngoài,... Năm 1997 đồng Bạt của Thái Lan mất giá, trước đây 1 đôla Mĩ đổi được khoảng 25 Bạt, thời điểm khủng hoảng đổi được trên 40 Bạt.

Ảnh hưởng của nền kinh tế thuộc địa còn thấy ở một số nước Đông Nam Á. Biểu hiện của nó là cơ cấu nền kinh tế vẫn thiên về nông nghiệp, ngành công nghiệp chưa có được vị trí đáng kể và chủ yếu vẫn là công nghiệp khai thác. Điều này thấy rõ đối với Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma. Một số nước khác tiến hành công nghiệp hóa từ những năm 60 của thế kỉ XX đã đạt được những thành tích đáng kể : tỉ trọng ngành công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân tăng lên, đã sản xuất được một số mặt hàng cao cấp như phương tiện giao thông, thiết bị điện tử, tủ lạnh, tivi,...

III. CÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC CẨN THIẾT

- Bản đồ các nước châu Á.
- Lược đồ kinh tế các nước Đông Nam Á.
- Tranh ảnh về các hoạt động kinh tế của các quốc gia trong khu vực.

IV. GỢI Ý THỰC HIỆN TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mở bài : GV yêu cầu HS nhắc lại tên 4 con rồng ở châu Á (Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Công, Xin-ga-po), chỉ vị trí của chúng trên bản đồ các nước trên thế giới ; GV dẫn dắt vào bài : Xin-ga-po nằm ở Đông Nam Á và là nước có tốc độ phát triển kinh tế cao, vậy các nước khác trong khu vực có mức tăng trưởng kinh tế như thế nào, qua phân tích số liệu, tư liệu của bài HS có thể biết và hiểu được sự phát triển kinh tế của các nước này.

Mục 1. Nền kinh tế của các nước Đông Nam Á phát triển khá nhanh song chưa vững chắc

GV yêu cầu HS nhắc lại thời kì các đế quốc đã chiếm đóng các nước Đông Nam Á, nêu lại đặc điểm chung của kinh tế – xã hội các nước thuộc địa và liên hệ với tình hình của các nước Đông Nam Á.

GV cho HS đọc đoạn văn trong SGK. HS cần trình bày được lí do của sự tăng trưởng kinh tế khá nhanh của các nước trong khu vực. Đó là :

- Nguồn nhân công rẻ (do dân số đông).
- Tài nguyên phong phú (giàu quặng kim loại màu, dầu mỏ, gỗ).
- Nhiều loại nông phẩm nhiệt đới (lúa gạo, cao su, cà phê, cọ dầu, lạc,...).
- Tranh thủ được vốn đầu tư của các nước và vùng lãnh thổ (đầu tư của Nhật Bản, Hồng Công, Đài Loan, Hàn Quốc, Hoa Kì, các nước Tây Âu,...).

GV cho HS phân tích bảng 16.1 để biết được tình hình tăng trưởng của các nước qua hai giai đoạn trước và sau 1997. Nên phân thành các nhóm làm việc theo hai nhiệm vụ : nhận xét sự tăng trưởng kinh tế của các nước từ năm 1990 đến 1996 và nhận xét sự tăng trưởng kinh tế của các nước từ năm 1998 đến 2000.

Đối với nhiệm vụ 1, yêu cầu HS cho biết nước nào có mức tăng đều (Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Việt Nam), nước có mức tăng không đều (In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Xin-ga-po) và tăng, giảm bao nhiêu.

Đối với nhiệm vụ 2 : trong năm 1998, những nước nào không có sự tăng trưởng (In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, thực chất là kinh tế phát triển

kém năm trước) ; những nước nào có mức tăng trưởng giảm nhưng không lớn lắm (Việt Nam, Xin-ga-po) ; trong năm 1999 và năm 2000 những nước nào đạt mức tăng trưởng dưới 6%/năm (In-dô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan) và trên 6%/năm (Ma-lai-xi-a, Việt Nam, Xin-ga-po).

GV yêu cầu HS báo cáo lại kết quả và GV giải thích mức tăng trưởng kinh tế của các nước Đông Nam Á giảm do khủng hoảng tài chính năm 1997 tại Thái Lan, đồng tiền Thái Lan (đồng Bạt) bị phá giá, nền kinh tế sa sút, tăng trưởng âm. Cuộc khủng hoảng này ảnh hưởng tới sự tăng trưởng của nền kinh tế các nước trong khu vực. Riêng Việt Nam mức tăng trưởng không bị ảnh hưởng nhiều do nền kinh tế của chúng ta chưa quan hệ rộng với bên ngoài nên chịu tác động ở mức độ hạn chế hơn.

GV cũng cần giải thích cho HS thấy rằng phát triển bền vững nền kinh tế là phát triển có chiều hướng tăng một cách vững chắc, khá ổn định, đồng thời phải đi đôi với bảo vệ nguồn tài nguyên, môi trường trong sạch để có thể tiếp tục cung cấp các điều kiện sống cho thế hệ sau. Môi trường được bảo vệ là một trong những tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững của các quốc gia ngày nay. GV cho HS đọc đoạn văn trong SGK để thấy môi trường của khu vực Đông Nam Á chưa được bảo vệ tốt nên chưa thể nói đến sự phát triển bền vững ở khu vực này được. Có thể lấy ví dụ về sự ô nhiễm môi trường ở các đô thị ; hiện tượng thiên tai, hậu quả do con người khai thác bừa bãi thiên nhiên gây ra (khô hạn, bão, lụt) và cháy rừng ở một số quốc gia để chứng minh.

Mục 2. Cơ cấu kinh tế đang có những thay đổi

GV nêu lại dấu ấn của nền kinh tế thuộc địa ở đa số các nước thuộc phần bán đảo Trung Á ; trình bày sơ lược về kết quả công nghiệp hóa của các nước trong khu vực và sự đóng góp của kinh tế các nước trong khu vực với thế giới (Đông Nam Á cung cấp cho thế giới 70% sản lượng thiếc, 60% gỗ xẻ, 70% dầu thực vật, 90% cao su).

GV cho HS so sánh số liệu các khu vực kinh tế của 4 nước trong các năm 1980 và 2000 để nhận biết sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế của các quốc gia. Ví dụ của Cam-pu-chia sau 20 năm, phần đóng góp của nông nghiệp vào GDP giảm 18,5% (con số tương đối), trong khi công nghiệp tăng 9,3% và dịch vụ tăng 9,2%.

GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm với lược đồ kinh tế của khu vực Đông Nam Á theo yêu cầu của SGK, một số nhóm nghiên cứu, tìm hiểu lược đồ nông nghiệp, số còn lại làm việc với lược đồ công nghiệp. Sau đó đại diện

hai nhóm với 2 nhiệm vụ trên báo cáo kết quả làm việc. Kết quả cần đạt đối với lược đồ :

- Nông nghiệp :

- + Lúa gạo phân bố ở các đồng bằng châu thổ, đồng bằng ven biển của hầu hết các quốc gia. Đây là cây lương thực chính nên được trồng ở những nơi có điều kiện thích hợp như khí hậu nóng ẩm, giàu nguồn nước tưới.
- + Cây công nghiệp là cao su, cà phê, mía... tập trung trên các cao nguyên do yêu cầu về đất, khí hậu khắc khe hơn.

Các nước có thể sản xuất nhiều nông phẩm nhiệt đới do điều kiện tự nhiên thuận lợi : đồng bằng phù sa màu mỡ, khí hậu nóng ẩm quanh năm, nguồn nước tưới dồi dào và do truyền thống canh tác lâu đời (cây công nghiệp cũng đã được đưa vào các nước Đông Nam Á từ vài trăm năm nay).

- Công nghiệp :

- + Luyện kim : có ở Việt Nam, Mi-an-ma, Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, thường ở các trung tâm công nghiệp gần biển, do có nguyên liệu hoặc nhập nguyên liệu.
- + Chế tạo máy : có ở hầu hết các quốc gia và chủ yếu ở các trung tâm công nghiệp gần biển do thuận tiện cho việc nhập nguyên liệu cũng như xuất sản phẩm đã được chế biến.

GV bổ sung : Nhìn chung các nước Đông Nam Á mới chỉ chủ yếu phát triển ở các vùng ven biển hoặc các đồng bằng châu thổ, nơi có các điều kiện tương đối thuận lợi. Hiện nay còn diện tích khá lớn trong nội địa chưa được khai thác, các nước đang quan tâm thăm dò, điều tra và đặt kế hoạch khai thác phát triển những vùng này, ở bài sau sẽ tìm hiểu thêm.

V. GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI KHÓ

Phản câu hỏi và bài tập.

Câu 1 : Khẳng định các nước đang tiến hành công nghiệp hoá do có sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế, ngành công nghiệp ngày càng đóng góp nhiều hơn vào GDP của từng quốc gia. Kinh tế phát triển chưa vững chắc vì dễ bị ảnh hưởng từ các tác động bên ngoài, môi trường chưa được chú ý bảo vệ trong quá trình phát triển kinh tế đất nước.

Câu 2 : GV cho HS tính tỉ lệ sản lượng lúa và cà phê của Đông Nam Á so với châu Á và thế giới, sau đó yêu cầu 2 HS trình bày kết quả làm việc. Kết quả tính toán là :

- Lúa của Đông Nam Á chiếm 36,7 % của châu Á và 26,2 % của thế giới.
- Cà phê của Đông Nam Á chiếm 77,7 % của châu Á và 19,2 % của thế giới (của châu Á so với thế giới là 24,6 %).